

TÁC ĐỘNG CỦA NĂNG LỰC CẠNH TRANH NGÂN HÀNG ĐẾN RỦI RO CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ KIỀU ANGA*, VŨ TRỌNG HIỀN, TỪ THỊ HOÀNG LAN
Khoa Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
*Tác giả liên hệ: nguyenthikieunga@iuh.edu.vn
DOIs: <https://doi.org/10.46242/jstiuh.v66i06.4992>

Tóm tắt. Nghiên cứu xem xét tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam với các thước đo rủi ro tín dụng, rủi ro vỡ nợ và rủi ro hoạt động. Nghiên cứu sử dụng mẫu quan sát bao gồm 30 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2009 - 2021 và sử dụng phương pháp hồi quy GMM để kiểm soát vấn đề nội sinh tiềm tàng. Tác giả sử dụng chỉ số Lerner để đo lường năng lực cạnh tranh ngân hàng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc cải thiện khả năng cạnh tranh ngân hàng giúp hạn chế rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Tuy nhiên, việc cải thiện khả năng cạnh tranh ngân hàng lại làm gia tăng rủi ro vỡ nợ và rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đưa ra nhiều hàm ý quan trọng góp phần hạn chế được rủi ro của các ngân hàng thương mại trong giai đoạn nền kinh tế có nhiều biến động hiện nay.

Từ khóa. Năng lực cạnh tranh, Rủi ro tín dụng, Rủi ro vỡ nợ, Rủi ro hoạt động, Ngân hàng thương mại.

1. GIỚI THIỆU

Sự ổn định và phát triển của hệ thống ngân hàng giúp thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế (Nguyen, 2022). Kể từ sau những cú sốc tiêu cực xảy ra trong nền kinh tế, việc cải thiện năng lực cạnh tranh ngân hàng có thể giúp cho các ngân hàng hoạt động ổn định hơn hay không đã nhận được nhiều quan tâm từ các nhà nghiên cứu và các nhà làm chính sách (Danisman & Demirel, 2019). Các nghiên cứu trước đây đa phần thực hiện tại các quốc gia mới nổi và các quốc gia đã phát triển với các kết quả nghiên cứu khác nhau. Bài nghiên cứu đi sâu vào nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro tín dụng, rủi ro vỡ nợ và rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. So với các nghiên cứu trong nước trước đây chỉ xem xét tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng, hoặc xem xét tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro vỡ nợ của ngân hàng. Nghiên cứu này bổ sung thêm các bằng chứng thực nghiệm về tác động của năng lực cạnh tranh đến các loại rủi ro khác nhau của các ngân hàng thương mại tại một quốc gia có thị trường vốn cận biên mà các nghiên cứu trước đây ít quan tâm đến hơn là chỉ nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam đang phát triển trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhận được nhiều lợi ích cũng như không ít bất lợi từ chính sự hội nhập tài chính toàn cầu này. Theo đó, mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại với nhau cũng ngày càng gay gắt và tác động không nhỏ đến tính ổn định của cả hệ thống ngân hàng nói riêng và ảnh hưởng đến cả nền kinh tế Việt Nam nói chung. Vì vậy, rất cần thiết để nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro/ sự ổn định của các ngân hàng thương mại Việt Nam nhằm đưa ra các hàm ý góp phần hạn chế được rủi ro mà các ngân hàng thương mại đang gặp phải.

2. KHUNG LÝ THUYẾT VÀ TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU TRƯỚC ĐÂY

2.1. Khung lý thuyết nghiên cứu

Nghiên cứu này tiếp cận năng lực cạnh tranh theo góc độ vi mô. Theo Porter (1985), các doanh nghiệp có được lợi thế cạnh tranh thông qua việc có được chi phí sản xuất thấp hơn và/hoặc có được mức giá bán cao hơn do có sự khác biệt trong sản phẩm so với các doanh nghiệp khác. Theo đó, để duy trì lợi thế cạnh tranh, các doanh nghiệp cần cung cấp các hàng hóa và dịch vụ đa dạng, có chất lượng cao cũng như sản xuất với hiệu suất cao.

Theo Nguyễn Thanh Phong (2010): “Năng lực cạnh tranh của ngân hàng thương mại là khả năng do chính ngân hàng tạo ra để duy trì và phát triển những lợi thế vốn có, nhằm củng cố và mở rộng thị phần, gia tăng lợi nhuận và có khả năng chống đỡ, vượt qua những biến động bất lợi của môi trường kinh doanh”.

Vì vậy, khi đề cập đến năng lực cạnh tranh của ngân hàng thương mại thì có thể hiểu là khả năng tạo ra lợi nhuận lớn thông qua giảm thiểu các khoản chi phí lãi vay và các khoản chi phí hoạt động và/hoặc đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng lược khảo khái niệm về các loại rủi ro của ngân hàng, trong đó có rủi ro tín dụng, rủi ro vỡ nợ và rủi ro hoạt động.

Rủi ro vỡ nợ là rủi ro một ngân hàng không có khả năng thực hiện các khoản thanh toán nghĩa vụ nợ khi đến hạn.

Rủi ro tín dụng có thể được hiểu là khả năng ngân hàng xây ra tổn thất do bên vay nợ ngân hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ thanh toán theo các điều khoản đã được thỏa thuận (theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN).

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính (theo Thông tư số 40/2018/TT-NHNN).

Có hai quan điểm đối lập về mối quan hệ giữa năng lực cạnh tranh ngân hàng và rủi ro của ngân hàng. Đầu tiên là quan điểm “cạnh tranh - tính dễ đổ vỡ”. Keeley (1990) chỉ ra rằng khi mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng càng cao thì càng làm sụt giảm lợi nhuận của các ngân hàng. Vì vậy, các ngân hàng gánh chịu rủi ro rất cao để gia tăng được khả năng sinh lợi. Bolt & Tieman (2004) chỉ ra rằng khi các ngân hàng cạnh tranh nhiều hơn có thể làm cho mức độ thu thập thông tin về người vay sẽ ít hơn, dẫn đến ngân hàng có thể đề xuất cấp tín dụng không phù hợp và cho những người đi vay có chất lượng tín dụng thấp.

Quan điểm “cạnh tranh - tính ổn định” chỉ ra các ngân hàng cạnh tranh hơn dẫn đến hệ thống ngân hàng sẽ ổn định hơn. Boyd & De Nicolo (2005) và một số tác giả khác đã chỉ ra rằng khi mức độ cạnh tranh ngân hàng sụt giảm thì các ngân hàng sẽ tính mức lãi suất cho vay cao hơn để lựa chọn các dự án có rủi ro cao. Boyd & De Nicolo (2005) cũng đã phát triển một mô hình giải quyết vấn đề hợp đồng tối ưu trong trường hợp có rủi ro đạo đức và chỉ ra rằng khi mức độ cạnh tranh giữa các ngân hàng cao hơn thì lãi suất tiền gửi cao hơn và lãi suất cho vay thấp hơn. Lãi suất cho vay thấp hơn làm giảm đi vấn đề rủi ro đạo đức và các ngân hàng đối mặt với rủi ro ở mức thấp hơn.

Lý thuyết về tác động dịch chuyển rủi ro của Martinez-Miera & Repullo (2010) chỉ ra rằng khi gia tăng sự cạnh tranh giữa các ngân hàng sẽ làm gia tăng tính ổn định của các ngân hàng thông qua việc làm giảm đi lãi suất cho vay dẫn đến cắt giảm tỷ lệ vỡ nợ của người đi vay. Tuy nhiên, điều này cũng dẫn đến các ngân hàng thương mại sẽ giảm bớt các khoản dự phòng tổn thất cho vay và dẫn đến sụt giảm tính ổn định của ngân hàng. Theo đó, họ dự đoán mối quan hệ giữa cạnh tranh ngân hàng và tính ổn định của ngân hàng có dạng chữ U.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu trước đây

Các kết quả nghiên cứu trước đây tại các quốc gia đã phát triển và mới nổi thì không thống nhất với nhau. Một số nghiên cứu trước đây ủng hộ quan điểm “cạnh tranh - tính dễ đổ vỡ” chẳng hạn như nghiên cứu của Danisman & Demirel (2019), Santoso và cộng sự (2021). Tuy nhiên, một số nghiên cứu khác lại ủng hộ quan điểm “cạnh tranh – tính ổn định” như Soedarmono & Tarazi (2016). Bên cạnh đó, có một số nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm khi chỉ ra mối quan hệ phi tuyến dạng U ngược giữa năng lực cạnh tranh ngân hàng và tính ổn định của hệ thống ngân hàng, như nghiên cứu của Martinez-Miera & Repullo (2010). Kết quả nghiên cứu này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Berger và cộng sự (2009) vừa chỉ ra năng lực cạnh tranh của ngân hàng cao hơn sẽ làm trầm trọng thêm vấn đề nợ xấu của ngân hàng (ủng hộ quan điểm “cạnh tranh - tính ổn định”) vừa chỉ ra năng lực cạnh tranh của ngân hàng càng cao sẽ làm giảm đi xác suất mất khả năng thanh toán của ngân hàng (ủng hộ quan điểm “cạnh tranh - tính dễ đổ vỡ”).

Keeley (1990) sử dụng mẫu quan sát bao gồm các ngân hàng tại Mỹ với kết quả nghiên cứu chỉ ra khi gia tăng cạnh tranh sẽ làm giảm đi tính ổn định của ngành ngân hàng tại Mỹ. Kết quả nghiên cứu này nhận được nhiều ủng hộ từ các nghiên cứu sau đó như Berger và cộng sự (2009), Beck và cộng sự (2013).

Soedarmono và cộng sự (2013) chỉ ra rằng các ngân hàng có năng lực cạnh tranh thấp thì có mức độ rủi ro cao hơn bởi vì tỷ lệ vốn chủ sở hữu không đủ để bù đắp mức độ chấp nhận rủi ro lớn hơn. Amidu & Wolfe (2013) xem xét mối quan hệ giữa cạnh tranh ngân hàng, đa dạng hóa thu nhập, và ổn định tài chính bằng

việc sử dụng mẫu quan sát các ngân hàng tại 55 quốc gia đã phát triển và đang phát triển trong giai đoạn 2000-2007. Kết quả nghiên cứu của họ chỉ ra rằng sự cạnh tranh lớn hơn làm gia tăng tính ổn định trong hệ thống ngân hàng

bởi vì sự cạnh tranh nhiều hơn có thể làm cho các ngân hàng theo đuổi đa dạng hóa thu nhập.

Fu và cộng sự (2014) sử dụng mẫu quan sát bao gồm các ngân hàng trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương và nhận thấy rằng mức độ năng lực cạnh tranh ngân hàng cao hơn có quan hệ với mức độ rủi ro ngân hàng thấp hơn. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với Goetz (2018) khi nhận thấy cạnh tranh ngân hàng càng lớn thì sẽ cắt giảm rủi ro của ngân hàng do có sự tăng lên trong khả năng sinh lợi và chất lượng của tài sản.

Võ Xuân Vinh & Đặng Bửu Kiếm (2016) xem xét tác động của năng lực cạnh tranh đến lợi nhuận và sự ổn định của 37 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2006-2014 bằng phương pháp ước lượng cố định (Fixed Effects) và ước lượng ngẫu nhiên (Random Effects). Họ đo lường tính ổn định của ngân hàng thông qua chỉ số Z-score và đo lường năng lực cạnh tranh của ngân hàng thông qua chỉ số Lerner. Kết quả nghiên cứu chỉ ra việc nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng giúp các ngân hàng tạo ra lợi nhuận càng cao và ổn định hơn.

Nguyễn Đức Trường và cộng sự (2018) cũng xem xét tác động của năng lực cạnh tranh đến tính ổn định của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2006-2017 bằng phương pháp hồi quy GMM. Mẫu quan sát bao gồm 7 ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, 32 ngân hàng thương mại cổ phần, 6 ngân hàng có 100% vốn nước ngoài. Tác giả đo lường tính ổn định của ngân hàng thông qua chỉ số Z-score và tỷ lệ nợ xấu, đo lường năng lực cạnh tranh của ngân hàng thông qua chỉ số Lerner. Kết quả lại chỉ ra cạnh tranh ngân hàng tăng có thể dẫn đến bất ổn hơn.

Hồ Thúy Ái & Nguyễn Chí Đức (2021) xem xét tác động của cạnh tranh và quy mô ngân hàng đến biến động lợi nhuận của 17 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2019 (theo quý) bằng phương pháp ước lượng cố định (Fixed Effects) và ước lượng ngẫu nhiên (Random Effects). Kết quả nghiên cứu chỉ ra khi cạnh tranh gia tăng thì rủi ro ngân hàng đối mặt càng lớn, nhưng quy mô hoạt động có thể giúp cho ngân hàng giảm thiểu rủi ro.

Thông qua việc lược khảo các nghiên cứu trước đây về tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro của các ngân hàng thì nghiên cứu nhận thấy gần như chỉ có các bằng chứng thực nghiệm tập trung ở các quốc gia mới nổi và đã phát triển, còn bỏ ngỏ rất nhiều bằng chứng thực nghiệm ở các quốc gia đang phát triển và các quốc gia có thị trường vốn cận biên. Tại Việt Nam, các nghiên cứu tập trung vào tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng hay nêu có nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến sự ổn định của ngân hàng thì lại tập trung vào nghiên cứu yếu tố rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng thương mại. Nghiên cứu này xem xét tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro của ngân hàng trên nhiều thước đo rủi ro khác nhau để có một cái nhìn phân tích tổng quát hơn, bao gồm rủi ro vỡ nợ, rủi ro tín dụng, và rủi ro hoạt động của ngân hàng.

Dựa vào khuôn khổ lý thuyết cũng như các nghiên cứu thực nghiệm trước đây trên thế giới và tại Việt Nam, nghiên cứu đưa ra giả thuyết nghiên cứu như sau: *Cạnh tranh ngân hàng giúp hạn chế hoặc gia tăng rủi ro của các ngân hàng thương mại.*

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên khuôn khổ lý thuyết cũng như các nghiên cứu thực nghiệm trước đây trên thế giới và tại Việt Nam, trong đó có nghiên cứu của Danisman & Demirel (2019), Santoso và cộng sự (2021), để đề xuất mô hình nghiên cứu sau để nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro của các ngân hàng thương mại. Cụ thể hơn, tác giả nghiên cứu tác động này trên 3 thước đo rủi ro khác nhau, bao gồm rủi ro vỡ nợ, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động.

$$\text{DEFAULT_RISK} = \beta_0 + \beta_1 \text{LERNER} + \beta_2 \text{DTA} + \beta_3 \text{ETA} + \beta_4 \text{SIZE} + \beta_5 \text{LOANTA} + \beta_6 \text{TAG} \quad (1)$$

$$\text{CREDIT_RISK} = \beta_0 + \beta_1 \text{LERNER} + \beta_2 \text{DTA} + \beta_3 \text{ETA} + \beta_4 \text{SIZE} + \beta_5 \text{LOANTA} + \beta_6 \text{TAG} \quad (2)$$

$$\text{OPERATIONAL_RISK} = \beta_0 + \beta_1 \text{LERNER} + \beta_2 \text{DTA} + \beta_3 \text{ETA} + \beta_4 \text{SIZE} + \beta_5 \text{LOANTA} + \beta_6 \text{TAG} \quad (3)$$

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng kiểm định tính phi tuyến trong tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro của các ngân hàng thương mại thông qua phương trình hồi quy như sau:

$$\text{DEFAULT_RISK} = \beta_0 + \beta_1 \text{LERNER} + \beta_2 \text{LERNER}^2 + \beta_3 \text{DTA} + \beta_4 \text{ETA} + \beta_5 \text{SIZE} + \beta_6 \text{LOANTA} + \beta_7 \text{TAG} \quad (4)$$

$$\text{CREDIT_RISK} = \beta_0 + \beta_1 \text{LERNER} + \beta_2 \text{LERNER}^2 + \beta_3 \text{DTA} + \beta_4 \text{ETA} + \beta_5 \text{SIZE} + \beta_6 \text{LOANTA} + \beta_7 \text{TAG} \quad (5)$$

$$\text{OPERATIONAL_RISK} = \beta_0 + \beta_1 \text{LERNER} + \beta_2 \text{LERNER}^2 + \beta_3 \text{DTA} + \beta_4 \text{ETA} + \beta_5 \text{SIZE} + \beta_6 \text{LOANTA} + \beta_7 \text{TAG} \quad (6)$$

Trong đó:

DEFAULT_RISK: Rủi ro vỡ nợ

CREDIT_RISK: Rủi ro tín dụng

OPERATIONAL_RISK: Rủi ro hoạt động

LERNER: Năng lực cạnh tranh ngân hàng

DTA: Tổng tiền gửi trên tổng tài sản

EQTA: Tổng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản

SIZE: Quy mô của ngân hàng

LOANTA: Tổng dư nợ cho vay trên tổng tài sản

TAG: Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản

3.2. Biến nghiên cứu

3.2.1. Biến năng lực cạnh tranh (LERNER)

Nghiên cứu dựa theo nghiên cứu của Samarasinghe & Uylangco (2021) để tính toán thước đo Lerner nhằm đo lường năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại. Thước đo này cũng được sử dụng phổ biến trong nhiều nghiên cứu, chẳng hạn như Berger và cộng sự (2009), Beck và cộng sự (2013). Cụ thể được tính toán như sau:

$$\text{LERNER} = (\text{P} - \text{MC}) / \text{P} \quad (7)$$

Trong đó: **P** là mức giá bình quân, được xác định bằng tỷ số tổng thu nhập của ngân hàng chia cho tổng tài sản.

MC là chi phí biên.

Chỉ số Lerner có giá trị càng cao nghĩa là có năng lực chi phối càng lớn.

Tác giả tính toán chi phí biên (MC) theo các bước như sau:

- Hồi quy theo phương pháp bình phương nhỏ nhất thông thường (OLS) theo một số điều kiện ràng buộc.

$$\text{Ln}(C) = \alpha + \beta_1 \text{Ln}(Q) + \beta_2 (\text{Ln}(Q))^2 + \beta_3 \text{Ln}(W_1) + \beta_4 \text{Ln}(W_2) + \beta_5 \text{Ln}(W_3) + \beta_6 \text{Ln}(Q) * \text{Ln}(W_1) + \beta_7 \text{Ln}(Q) * \text{Ln}(W_2) + \beta_8 \text{Ln}(Q) * \text{Ln}(W_3) + \beta_9 (\text{Ln}(W_1))^2 + \beta_{10} (\text{Ln}(W_2))^2 + \beta_{11} (\text{Ln}(W_3))^2 + \beta_{12} \text{Ln}(W_1) * \text{Ln}(W_2) + \beta_{13} \text{Ln}(W_1) * \text{Ln}(W_3) + \beta_{14} \text{Ln}(W_2) * \text{Ln}(W_3) + \sigma \text{ Year dummies} + \varepsilon \quad (8)$$

Trong đó: **C** là tổng chi phí lãi vay và tất cả các chi phí hoạt động khác của ngân hàng

Q là sản lượng ngân hàng được xác định bằng tổng tài sản

W1 là tỷ số chi phí lãi vay trên tổng nợ phải trả

W2 là tỷ số chi phí nhân sự trên tổng tài sản

W3 là tỷ số chi phí hoạt động khác trên tổng tài sản

Cùng với các điều kiện ràng buộc: $\beta_3 + \beta_4 + \beta_5 = 1$; $\beta_6 + \beta_7 + \beta_8 = 0$; $\beta_9 + \beta_{12} + \beta_{13} = 0$; $\beta_{10} + \beta_{12} + \beta_{14} = 0$; $\beta_{11} + \beta_{13} + \beta_{14} = 0$.

- Từ các hệ số hồi quy ước lượng được ở phương trình (8), tác giả đưa vào phương trình (9) để ước tính chi phí biên.

$$\text{MC} = \partial C / \partial Q = C / Q * [\beta_1 + 2 * \beta_2 * \text{Ln}(Q) + \beta_6 * \text{Ln}(W_1) + \beta_7 * \text{Ln}(W_2) + \beta_8 * \text{Ln}(W_3)] \quad (9)$$

3.2.2. Biến rủi ro vỡ nợ (DEFAULT_RISK)

Theo Houston và cộng sự (2010), Lepetit & Strobel (2013) chỉ ra rằng Z-score là một thước đo rủi ro vỡ nợ ngân hàng được sử dụng nhiều trong các nghiên cứu. Bài nghiên cứu này sử dụng cách thức tính toán của Lepetit & Strobel (2013) trong nghiên cứu. Bởi vì giá trị Z-score càng cao thể hiện mức ổn định ngân hàng càng cao. Tác giả nhân thêm giá trị (-1) nhằm làm cho thước đo rủi ro vỡ nợ dễ dàng so sánh với các thước đo rủi ro khác trong nghiên cứu này.

$$\text{DEFAULT_RISK} = -\text{LN}\left(\frac{\text{ROA} + \left(\frac{E}{A}\right)}{\text{Sd.}(\text{ROA})}\right) \quad (10)$$

Trong đó, ROA: tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản, E/A: tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản, Sd.(ROA): độ lệch chuẩn của ROA.

3.2.3. Biến rủi ro tín dụng (CREDIT_RISK)

Nghiên cứu dựa theo nghiên cứu của Houston và cộng sự (2010) đo lường rủi ro tín dụng thông qua tỷ lệ chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng trên tổng dư nợ cho vay.

$$\text{CRERISK} = \frac{\text{Chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \quad (11)$$

3.2.4. Biến rủi ro hoạt động (OPERATIONAL_RISK)

Theo Houston và cộng sự (2010), nghiên cứu sử dụng độ biến động của tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) đại diện cho mức độ rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Ngân hàng có giá trị NIM càng biến động là đến từ các chiến lược cho vay rủi ro hơn.

3.2.5. Các biến kiểm soát

Khi nghiên cứu tác động này, nghiên cứu đưa vào các biến kiểm soát như sau:

Bảng 1: Biến kiểm soát

Tên biến	Diễn giải
DTA	Tổng tiền gửi trên tổng tài sản
ETA	Tổng vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản
SIZE	Quy mô ngân hàng, được đo lường thông qua ngân hàng ln của tổng tài sản
LOANTA	Tổng dư nợ cho vay trên tổng tài sản
TAG	Tốc độ tăng trưởng tổng tài sản

3.3. Dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng mẫu quan sát bao gồm 30 ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn quan sát 2009-2021, việc lựa chọn giai đoạn quan sát này chủ yếu để tránh tác động có thể của khủng hoảng tài chính toàn cầu lên rủi ro của các ngân hàng thương mại trong nghiên cứu này, dữ liệu được thu thập từ các báo cáo tài chính thường niên của các ngân hàng thương mại Việt Nam đã được kiểm toán.

3.4. Phương pháp

Dựa trên các nghiên cứu trước đây như Nguyễn Đức Trường và cộng sự (2018), Danisman & Demirel (2019) chỉ ra biến năng lực cạnh tranh là một biến nội sinh, có quan hệ nhân quả với biến phụ thuộc là thước đo rủi ro của ngân hàng. Vì vậy, bài này sử dụng phương pháp hồi quy GMM hệ thống nhằm giải quyết vấn đề nội sinh.

4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Bảng 2: Thống kê mô tả

Biến nghiên cứu	Trung bình	Trung vị	Độ lệch chuẩn
DEFAULT_RISK	-4,11448	-4,00674	1,04352
CREDIT_RISK	0,01076	0,00877	0,00851
OPERATIONAL_RISK	0,00444	0,00345	0,00375
LERNER	0,18883	0,17802	0,12117
DTA	0,64323	0,64586	0,13278
ETA	0,09329	0,08157	0,04408
SIZE	32,30463	32,28037	1,25635
LOANTA	0,55734	0,57235	0,13045
TAG	0,20118	0,15411	0,23143

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16

Bảng 2 chỉ ra giá trị trung bình, giá trị trung vị và độ lệch chuẩn của các biến nghiên cứu. Mức độ trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn quan sát nhìn chung

chiếm khoảng 1,076% trên tổng dư nợ cho vay. Chỉ số Lerner nhìn chung của các ngân hàng thương mại Việt Nam vào khoảng 0,18883, điều này phù hợp với thực tiễn tại Việt Nam khi thể hiện rằng các ngân hàng thương mại Việt Nam cạnh tranh nhau trong quá trình vận hành hoạt động kinh doanh. Tiền gửi của khách hàng nhìn chung chiếm khoảng 64,323% trên tổng nguồn vốn của ngân hàng thương mại. Vốn chủ sở hữu của ngân hàng nhìn chung chiếm 9,329% trên tổng nguồn vốn của ngân hàng thương mại. Tổng dư nợ cho vay nhìn chung chiếm khoảng 55,734% trên tổng tài sản của ngân hàng thương mại. Nguồn vốn của ngân hàng thương mại chủ yếu được sử dụng cho hoạt động cấp tín dụng cho khách hàng. Ngoài ra, nghiên cứu nhận thấy tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của các ngân hàng thương mại nhìn chung ở mức 20,118% mỗi năm. Sự tăng trưởng mạnh trong tổng tài sản có thể là do đến từ những tác động tích cực của đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại cùng với sự ổn định trong nền kinh tế cũng như trong hệ thống ngân hàng. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần (NIM) nhìn chung biến động ở mức 0,444% mỗi năm.

Bảng 3: Ma trận hệ số tương quan

	Default risk	Operational risk	Credit risk	Lerner	Dta	Eta	Size	Loanta	Tag
Default risk	1,0000								
Operational risk	0,3355 ***	1,0000							
Credit risk	- 0,0095	0,1864 ***	1,0000						
Lerner	- 0,0106	- 0,1695 ***	0,4320 ***	1,0000					
Dta	- 0,1859 ***	- 0,1627 ***	0,0311	- 0,0463	1,0000				
Eta	0,1310 **	0,2934 ***	0,0379	0,0764	- 0,3133 ***	1,0000			
Size	- 0,0942 *	- 0,2259 ***	0,2472 ***	0,4505 ***	0,3783 ***	- 0,6610 ***	1,0000		
Loanta	- 0,0789	- 0,1221 **	0,0913 *	0,2241 ***	0,6229 ***	- 0,1261 **	0,3603 ***	1,0000	
Tag	0,0657	0,0159	- 0,2240 ***	0,0382	- 0,4114 ***	0,0337	- 0,1432 ***	- 0,3321 ***	1,0000

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16

(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Bảng 3 chỉ ra hệ số tương quan giữa các biến nghiên cứu ở trong bài. Trong đó, hệ số tương quan giữa các biến độc lập với nhau trong nghiên cứu này đều không vượt quá 0,7, vì vậy hồi quy của tác giả không xảy ra vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kết quả ước lượng. Bên cạnh đó, tác giả cũng thực hiện kiểm định VIF và cũng chỉ ra rằng không xuất hiện vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến kết quả ước lượng. Ngoài ra, tác giả cũng nhận thấy có nhiều yếu tố có tương quan với rủi ro tín dụng, như thước đo năng lực cạnh tranh của ngân hàng (tương quan cùng chiều ở mức ý nghĩa 1%), quy mô ngân hàng (tương quan cùng chiều ở mức ý nghĩa 1%), tỷ lệ tổng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của ngân hàng (tương quan cùng chiều ở mức ý nghĩa 10%), và tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của ngân hàng (tương quan ngược chiều ở mức ý nghĩa 1%). Bên cạnh đó, tác giả cũng nhận thấy có mối tương quan ngược chiều giữa năng lực cạnh tranh ngân hàng với rủi ro hoạt động kinh doanh của ngân hàng ở mức ý nghĩa 1%. Rủi ro hoạt động kinh doanh và rủi ro vỡ nợ cũng có tương quan với tỷ lệ tổng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của ngân hàng (tương quan ngược chiều ở mức ý nghĩa 5%), tỷ lệ tổng tiền gửi trên tổng tài sản (tương quan ngược chiều ở mức ý nghĩa 5%), quy mô ngân hàng (tương quan cùng chiều ở mức ý nghĩa 1%), và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng tài sản (tương quan cùng chiều ở mức ý nghĩa 1%).

Bảng 04: Hồi quy GMM tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến nghiên cứu	Hệ số hồi quy	Giá trị t
C	- 0,00046	- 0,03
LERNER	0,03453***	5,89
DTA	- 0,00472*	- 1,77

TÁC ĐỘNG CỦA NĂNG LỰC CẠNH TRANH ...

ETA	0,04956***	2,57
SIZE	0,00037	0,85
LOANTA	- 0,01021***	- 2,86
TAG	- 0,01271***	- 10,35

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16
(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Kết quả hồi quy cho thấy tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% của năng lực cạnh tranh ngân hàng (thông qua thước đo LERNER) đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả hồi quy đạt được hàm ý rằng khi cải thiện mức độ cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam thì sẽ giúp giảm bớt đi rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại. Trong một thị trường cạnh tranh, việc cắt giảm lãi suất cho vay sẽ làm cắt giảm chi phí vay mượn và tăng mức độ thành công của các doanh nghiệp, và điều này đã góp phần làm tăng tính ổn định của ngân hàng thông qua việc cắt giảm độ nhạy cảm với rủi ro tín dụng. Điều này phù hợp với quan điểm “cạnh tranh – tính ổn định” và phù hợp với kết quả nghiên cứu của Boyd & De Nicolo (2005), Fu và cộng sự (2014), Võ Xuân Vinh & Đặng Bửu Kiếm (2016), Goetz (2018), Santoso và cộng sự (2021).

Ngoài ra, nghiên cứu nhận thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10% của tỷ lệ tiền gửi khách hàng trên tổng nguồn vốn của ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng. Điều này hàm ý rằng ngân hàng huy động tiền gửi khách hàng nhiều trong tổng nguồn vốn của ngân hàng sẽ giúp cho ngân hàng giảm bớt đi được rủi ro tín dụng.

Bên cạnh đó, nghiên cứu nhận thấy tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% giữa tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn của ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng. Điều này hàm ý rằng vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của ngân hàng sẽ làm gia tăng mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng do các ngân hàng có thể sử dụng nguồn vốn không hiệu quả, đề xuất cấp tín dụng các dự án có mức độ rủi ro cao.

Nghiên cứu nhận thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% giữa tỷ lệ tổng dư nợ cho vay trên tổng tài sản của ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng. Điều này hàm ý rằng khi dư nợ cho vay chiếm tỷ lệ cao trong tổng tài sản của ngân hàng sẽ làm giảm bớt đi mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng, tập trung vào các hoạt động truyền thống, hạn chế các khoản đầu tư khác có mức độ rủi ro cao hơn.

Cuối cùng, nghiên cứu cũng nhận thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% giữa tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng. Điều này hàm ý rằng tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của ngân hàng càng lớn sẽ càng làm giảm bớt đi mức độ rủi ro tín dụng của ngân hàng.

Bảng 5: Hồi quy GMM tác động phi tuyến của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến nghiên cứu	Hệ số hồi quy	Giá trị t
C	0,04270**	2,19
LERNER	0,03988***	3,92
LERNER ²	- 0,00649	- 0,31
DTA	- 0,00377	- 0,99
ETA	0,00310	0,13
SIZE	- 0,00071	- 1,40
LOANTA	- 0,01929***	- 4,43
TAG	- 0,01439***	- 7,01

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16
(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Nghiên cứu tiếp tục thực hiện hồi quy để xem có tác động phi tuyến của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng thương mại Việt Nam hay không theo như Martinez-Miera & Repullo (2010). Kết quả nghiên cứu thể hiện trong bảng 5 chỉ ra không tìm thấy được bằng chứng thực nghiệm về tác động phi tuyến, mặc dù vẫn ủng hộ tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% của thước đo năng lực cạnh tranh ngân hàng (LERNER) đến rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam như ở trên bảng 4. Vì vậy, kết quả nghiên cứu khá là vững chắc về tác động này.

Bảng 06: Hồi quy GMM tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến nghiên cứu	Hệ số hồi quy	Giá trị t
C	- 0,37127	- 0,13
LERNER	- 1,40227*	- 1,72
DTA	- 1,69449*	- 1,70
ETA	1,69982	0,63
SIZE	- 0,09086	- 0,90
LOANTA	0,80914	0,50
TAG	0,47467	1,17

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16
(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Kết quả hồi quy cho thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa biên 10% của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả hồi quy đạt được hàm ý rằng khi cải thiện mức độ cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam thì sẽ làm gia tăng rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng thương mại. Cạnh tranh trong ngành dịch vụ tài chính càng cao sẽ làm suy yếu khả năng sinh lợi của các định chế tài chính. Vì vậy, để phục hồi lại các khoản tổn thất tài chính, các định chế tài chính có thể đầu tư vào các danh mục rủi ro cao hơn và làm gia tăng rủi ro vỡ nợ. Điều này phù hợp với quan điểm “cạnh tranh – tính dễ đổ vỡ” và phù hợp với kết quả nghiên cứu của Danisman & Demirel (2019), Nguyễn Đức Trường và cộng sự (2018).

Kết quả cũng cho thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 10% của tỷ lệ tiền gửi khách hàng trên tổng nguồn vốn của ngân hàng đến rủi ro vỡ nợ như trong nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng. Điều này hàm ý rằng ngân hàng huy động tiền gửi khách hàng nhiều trong tổng nguồn vốn của ngân hàng sẽ giúp cho ngân hàng giảm bớt đi được rủi ro vỡ nợ.

Bảng 07: Hồi quy GMM tác động phi tuyến của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến nghiên cứu	Hệ số hồi quy	Giá trị t
C	- 2,03214	- 0,97
LERNER	- 0,67139	- 1,49
LERNER ²	1,05779	0,70
DTA	- 2,14364***	- 6,32
ETA	6,14686***	3,92
SIZE	- 0,04626	- 0,78
LOANTA	0,66388	1,21
TAG	0,33620***	4,95

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16
(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Kết quả nghiên cứu thể hiện trong bảng 7 chỉ ra không tìm thấy được bằng chứng thực nghiệm về tác động phi tuyến của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro vỡ nợ của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

Bảng 08: Hồi quy GMM tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến nghiên cứu	Hệ số hồi quy	Giá trị t
C	- 0,01904	- 1,53
LERNER	- 0,01073***	- 5,58
DTA	- 0,00639***	- 2,90
ETA	0,04807***	8,78
SIZE	0,00073*	1,81
LOANTA	0,00187	0,70
TAG	0,00260***	4,25

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16
(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Kết quả hồi quy cho thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả hồi quy đạt được hàm ý rằng khi cải thiện mức độ cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam thì sẽ làm gia tăng rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại. Điều này phù hợp với quan điểm “cạnh tranh – tính dễ đổ vỡ” và phù hợp với kết quả nghiên cứu của Danisman & Demirel (2019), Hồ Thúy Ái & Nguyễn Chí Đức (2021).

Nghiên cứu cũng cho thấy tác động ngược chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% của tỷ lệ tiền gửi khách hàng trên tổng nguồn vốn của ngân hàng đến rủi ro hoạt động, và tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 1% của tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn của ngân hàng đến rủi ro hoạt động. Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro tín dụng của ngân hàng.

Bảng 09: Hồi quy GMM tác động phi tuyến của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Biến nghiên cứu	Hệ số hồi quy	Giá trị t
C	0,02907	1,09
LERNER	- 0,01060***	- 5,31
LERNER ²	0,02147*	1,91
DTA	0,00160	0,36
ETA	0,01871	1,22
SIZE	- 0,00074	- 0,89
LOANTA	- 0,00517	- 1,23
TAG	0,00151*	1,86

Nguồn: Tác giả tính từ phần mềm Stata 16

(*), (**), (***) tương ứng với ý nghĩa thống kê là 10%, 5% và 1%.

Kết quả nghiên cứu thể hiện trong bảng 9 chỉ ra được bằng chứng thực nghiệm về tác động phi tuyến của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu ủng hộ cả quan điểm “cạnh tranh – tính dễ đổ vỡ” và quan điểm “cạnh tranh - tính ổn định” như trong nghiên cứu của Martinez-Miera & Repullo (2010). Cạnh tranh giữa các ngân hàng thương mại gia tăng vừa có thể làm gia tăng vừa có thể làm sụt giảm đi rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại do các ngân hàng thương mại sẽ thay đổi các quy trình nội bộ trong ngân hàng đáp ứng thực tiễn kinh doanh tại ngân hàng.

5. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Bài nghiên cứu xem xét tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng việc cải thiện khả năng cạnh tranh giữa các ngân hàng giúp hạn chế rủi ro tín dụng của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Điều này phù hợp với quan điểm “cạnh tranh - tính ổn định”. Tuy nhiên, việc cải thiện khả năng cạnh tranh ngân hàng lại làm gia tăng rủi ro vỡ nợ và rủi ro hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam. Điều này phù hợp với quan điểm “cạnh tranh - tính dễ đổ vỡ”. Tác động khác nhau này có thể do đặc trưng của các loại rủi ro khác nhau của ngân hàng thương mại. Việc xem xét tác động của năng lực cạnh tranh ngân hàng đến nhiều loại rủi ro khác nhau như rủi ro thanh khoản, rủi ro đòn bẩy, rủi ro danh mục, rủi ro thu nhập từ lãi, rủi ro thu nhập ngoài lãi... trong các nghiên cứu tiếp theo trong tương lai giúp nghiên cứu có cái nhìn bao quát hơn về chủ đề nghiên cứu này.

Bài nghiên cứu cũng đưa ra một số hàm ý cần nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại để hạn chế rủi ro tín dụng như kiểm soát, gỡ bỏ các rào cản không nhất thiết để gia nhập vào thị trường; hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để điều tiết hợp lý nền kinh tế và hệ thống ngân hàng nhằm ổn định hệ thống; phát huy hiệu quả tối đa của công nghệ tài chính tạo ra sự đa dạng và khác biệt trong các sản phẩm vừa thu hút được khách hàng vừa phân tán và hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành hoạt động của ngân hàng; chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ của ngân hàng và đội ngũ cán bộ nhân viên ngân hàng. Bên cạnh đó, có thể hạn chế rủi ro tín dụng thông qua việc thu hút huy động tiền gửi của khách hàng với nhiều loại sản phẩm tiền gửi khác nhau phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng; chú trọng gia tăng tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của ngân hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ái, H. T. & Đức, N. C. (2021). Cuộc tranh, quy mô và rủi ro của các ngân hàng thương mại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và ngân hàng châu Á*, 180, 69-78.
- Amidu, M., & Wolfe, S. (2013). The effect of banking market structure on the lending channel: Evidence from emerging markets. *Review of Financial Economics*, 22(4), 146-157. DOI: 10.1016/j.rfe.2013.05.002.
- Beck, T., De Jonghe, O., & Schepens, G. (2013). Bank competition and stability: cross-country heterogeneity. *Journal of Financial Intermediation*, 22(2), 218–244. DOI: 10.1016/j.jfi.2012.07.001.
- Berger, A. N., Klapper, L. F., & Turk-Ariss, R. (2009). Bank competition and financial stability. *Journal of Financial Services Research*, 35(2), 99-118. DOI: 10.1007/s10693-008-0050-7.
- Bolt, W., & Tieman, A. F. (2004). Banking competition, risk and regulation. *Scandinavian Journal of Economics*, 106(4), 783-804. DOI: 10.1111/j.0347-0520.2004.00388.x.
- Boyd, J. H., & De Nicoló, G. (2005). The theory of bank risk taking and competition revisited. *Journal of Finance*, 60(3), 1329–1343. DOI: 10.1111/j.1540-6261.2005.00763.x.
- Danisman, G. O., & Demirel, P. (2019). Bank risk-taking in developed countries: The influence of market power and bank regulations. *Journal of International Financial Markets, Institutions & Money*, 59, 202-217. DOI: 10.1016/j.intfin.2018.12.007.
- Fu, X., Lin, Y., & Molyneux, P. (2014). Bank Competition and Financial Stability in Asia Pacific. *Journal of Banking and Finance*, 38, 64–77. DOI: 10.1016/j.jbankfin.2013.09.012.
- Goetz, M. R. (2018). Competition and bank stability. *Journal of Financial Intermediation*, 35, 57-69. DOI: 10.1016/j.jfi.2017.06.001.
- Houston, J. F., Lin, C., Lin, P., & Ma, Y. (2010). Creditor rights, information sharing, and bank risk-taking. *Journal of Financial Economics*, 96(3), 485-512. DOI: 10.1016/j.jfineco.2010.02.008.
- Keeley, M. C. (1990). Deposit insurance, risk, and market power in banking. *American Economic Review*, 80(5), 1183-1200.
- [Lepetit, L., & Strobel, F. (2013). Bank insolvency risk and time-varying Z-score measures. *Journal of International Financial Markets, Institutions & Money*, 25, 73-87. DOI: <https://doi.org/10.1016/j.intfin.2013.01.004>.
- Martinez-Miera, D., & Repullo, R. (2010). Does Competition reduce the risk of bank failure?. *Review of Financial Studies*, 23(10), 3638-3664. DOI: 10.1093/rfs/hhq057.
- Nguyen, P. T. (2022). The impact of banking sector development on economic growth: The case of Vietnam's transitional economy. *Journal of Risk and Financial Management*, 15(8), 358. DOI: 10.3390/jrfm15080358.
- Phong, N. T. (2010). Năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 12, 223-230.
- Porter, M. E. (1985). *The competitive advantage of nations*. New York: Free press.
- Samarasinghe, A., & Uylangco, K. (2021). An examination of the effect of stock market liquidity on bank market power. *Journal of Financial Markets*, 77, 739-762. DOI: 10.1016/j.irfa.2021.101810.
- Santoso, W., Yusgiantoro, L., Soedarmono, W., & Prasetyantoko, A. (2021). The bright side of market power in Asian banking: Implications of bank capitalization and financial freedom. *Research in International Business and Finance*, 56, 101358. DOI: 10.1016/j.ribaf.2020.101358.
- Soedarmono, W., & Tarazi, A. (2016). Competition, Financial Intermediation, and Riskiness of banks: Evidence from the Asia-Pacific Region. *Emerging Markets Finance and Trade*, 52, 961-974. DOI: 10.1080/1540496X.2015.1018039.
- Soedarmono, W., Machrouh, F., & Tarazi, A. (2013). Bank competition, crisis and risk taking: Evidence from emerging markets in Asia. *Journal of International Financial Markets, Institutions & Money*, 23, 196–221. DOI: 10.1016/j.intfin.2012.09.009.
- Trương, N. Đ., Anh, H.T., & Binh, N. T. T. (2018). Cuộc tranh và ổn định hệ thống ngân hàng tại Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng*, 23.
- Vinh, V. X. & Kiêm, Đ. B. (2016). Năng lực cạnh tranh, lợi nhuận và sự ổn định của các ngân hàng Việt Nam. *Tạp chí Phát triển kinh tế*, 27(12), 25-44.

EXAMINING THE IMPACT OF BANKING COMPETITIVENESS ON RISK IN VIETNAMESE COMERCIAL BANKS

NGUYEN THI KIEU NGA^{1*}, VU TRONG HIEN¹, TU THI HOANG LAN¹

¹*Faculty of Finance and Banking, Industrial University of Ho Chi Minh City*

**Corresponding Author: nguyenthikieunga@iuh.edu.vn*

Abstract: This paper analyzes the effect of banking competitiveness on credit risk, default risk, and operational risk in Vietnamese commercial banks. Using a sample of 30 commercial banks operating in Vietnam between 2009 and 2021, the authors employ the GMM regression method to control for potential endogeneity and measure banking competitiveness using the Lerner index. Results show that improving banking competitiveness can limit credit risk, but it can also increase default risk and operational risk. The findings have important implications for managing risks in commercial banks during periods of economic volatility.

Keywords: banking competitiveness, credit risk, default risk, operational risk, commercial banks.